

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KHOÁI CHÂU  
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/DS-ST

Ngày 24 - 10 - 2024.

“*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Cường.*

*Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Oanh và Bà Vũ Thị Tịnh.*

*Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan - Thư ký Tòa án.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huệ - Kiểm sát viên.*

Ngày 24 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2024/TLST - DS ngày 19 tháng 01 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXX-ST ngày 20/9/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 08/10/2024 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn: Ông Hoàng Thanh Đ, sinh năm 1953.*

*Nơi đăng ký HKTT, trú tại: Đội H, thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.*

*- Người được ông Đ ủy quyền: Chị Hoàng Thị Đ1, SN 1982.*

*Trú tại: Đội H, thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.*

\* *Đồng bị đơn: Anh Trần Xuân N, SN 1970 và chị Lâm Thị H, SN 1972.*

*Nơi đăng ký HKTT: xóm I, thôn N, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên.*

\* *Những người làm chứng:*

*- Bà Nguyễn Thị Ô, SN 1950.*

*Trú tại: Đội H, thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.*

*- Bà Trần Thị L, SN 1969.*

*Địa chỉ: thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nguyên đơn ông Hoàng Thanh Đ; người được nguyên đơn ủy quyền chị Hoàng Thị Đ1 trình bày:*

Do có mối quan hệ họ hàng xa với vợ chồng anh Trần Xuân N, chị Lâm Thị H và thân thiết với nhau. Vợ chồng anh N, chị H làm lò gạch ở Hải Dương đã có lần vay tiền của ông Đ và trả lại gốc, lãi đầy đủ. Nên ngày 25/12/2017 âm lịch (tức ngày 10/02/2018 dương lịch) anh N, chị H có vay của ông Đ số tiền 245.000.000đ (*Hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng*) thời hạn vay 01 năm; lãi suất 1,5%/ 1 tháng, trả lãi tháng 1 lần vào ngày 25 âm lịch hàng tháng có lập Giấy biên nhận vay tiền.

Đến hạn trả lãi và hết thời hạn vay, ông Đ đã nhiều lần liên lạc, đòi tiền nhưng anh N, chị H khất nần không trả và chuyển đi nơi khác sinh sống. Ông Đ khởi kiện

yêu cầu Tòa án buộc anh N, chị H trả số tiền gốc 245.000.000đ và tiền lãi theo thỏa thuận tạm tính đến tháng 02/2023 là 353.588.000đ.

*Bị đơn anh Trần Xuân N trình bày:* Vợ chồng anh không có quan hệ họ hàng gì với ông Hoàng Thanh Đ mà chỉ là hàng xóm ở C, C, Hải Dương. Do cần vốn kinh doanh nên vợ chồng anh có vay của ông Đ 245.000.000đ, vay có văn bản, giấy tờ và cả 2 vợ chồng anh cùng ký tên vào giấy nhận nợ, vay có lãi suất nhưng không nhớ lãi là bao nhiêu, vợ anh đã trả lãi được bao nhiêu. Anh N xác định đến nay vẫn nợ ông Đ số tiền 245.000.000đ, do điều kiện kinh tế khó khăn, nợ nần nhiều người nên xin trả dần số tiền gốc còn xin ông Đ số tiền lãi.

Anh N thừa nhận có biết việc ông Đ khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu; đã nhiều lần nhận được Giấy triệu tập của Tòa án hoặc người nhà thông báo việc Tòa án triệu tập anh nhưng do bận công việc làm ăn nên không đến Tòa án, sau này Tòa án mở phiên tòa cũng không đến đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và anh N cung cấp số điện thoại của chị H 0336572026. Sau khi trình bày với Tòa án thì anh N không ký biên bản.

Tòa án đã liên hệ với chị H qua số điện thoại trên có sự chứng kiến của anh N, ông Lương P thôn N, xã P, huyện K. Chị H xác định vợ chồng chị có vay và hiện tại còn nợ ông Đ số tiền 245.000.000đ như ông Đ khởi kiện là đúng, vay có thỏa thuận lãi suất, có viết giấy vay tiền và chị đồng nhất với quan điểm của anh N chồng chị do điều kiện khó khăn xin được trả dần tiền gốc, đối với số tiền lãi xin ông Đ. Chị bận đi làm công ty từ sáng đến tối muộn mới về nhà, việc xin nghỉ làm rất khó khăn, chị xin được vắng mặt; mọi giấy tờ, văn bản nhờ Tòa án giao cho anh N hoặc gửi cho chị theo địa chỉ là được.

*Người làm chứng bà Nguyễn Thị Ô trình bày:* bà là vợ ông Hoàng Thanh Đ; vợ chồng anh N, chị H là họ hàng xa và là hàng xóm của gia đình bà ở Hải Dương. Bà có biết việc vợ chồng anh N, chị H vay tiền của ông Đ để làm ăn, kinh doanh lò gạch, có giấy nhận nợ. Khi hết hạn vay ông Đ đã nhiều lần đòi anh N, chị H nhưng không trả. Ông Đ khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà Ô xác định số tiền ông Đ cho anh N, chị H vay là tiền của riêng ông Đ, bà không liên quan đến số tiền này. Khi Tòa án xét xử vụ án cho bà được vắng mặt tại phiên tòa.

Tòa án đã mở phiên tòa ngày 08/10/2024, đồng bị đơn anh N, chị H và những người làm chứng vắng mặt không có lý do.

*Tại phiên tòa,* đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng quy định. Đồng bị đơn anh N, chị H vắng mặt tại các buổi làm việc, không ký biên bản, vắng mặt tại phiên tòa là chưa chấp hành pháp luật theo các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự; diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn ông Hoàng Thanh Đ. Buộc anh N, chị H phải trả lại ông Đ số tiền 245.000.000đ. Anh N, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Nguyên đơn khởi kiện anh N, chị H đều có nơi cư trú tại xóm I, thôn N, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Đồng bị đơn anh N, chị H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần tham gia các thủ tục tố tụng (khai báo, làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải); tổng đạt, niêm yết Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lí do. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

- Nguyên đơn ông Đ khởi kiện yêu cầu đồng bị đơn anh N, chị H trả lại khoản tiền đã vay nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Theo đơn khởi kiện và Giấy biên nhận vay tiền ngày 25/12/2017 âm lịch (*tức ngày 10/02/2018 dương lịch*) do nguyên đơn ông Đ cung cấp thể hiện ông Đ cho anh N, chị H vay số tiền 245.000.000đ (*Hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng*); lãi suất 1,5%/ 1 tháng, trả lãi tháng một lần vào ngày đã vay, mục đích sử dụng kinh doanh, thời hạn vay 01 năm. Sau khi hết hạn (10/02/2019) ông Đ đã nhiều lần liên lạc, đòi nợ nhưng anh N, chị H nhất định không trả. Ông Đ khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu đòi tiền và anh N đã thừa nhận khoản tiền vay, lãi suất, thời hạn và thừa nhận cả 2 vợ chồng anh N, chị H đều ký nhận vào Giấy biên nhận vay tiền ngày 25/12/2017 âm lịch như ông Đ cung cấp cho Tòa án là chính xác. Anh N, chị H vay tiền của ông Đ nhưng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của ông Đ được chấp nhận.

Theo đơn khởi kiện ban đầu, ông Đ yêu cầu anh N, chị H trả nợ cả khoản tiền gốc 245.000.000đ, tiền lãi 353.588.000đ. Tuy nhiên trong quá trình xem xét, giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Hoàng Thị Đ1 đã rút một phần yêu cầu khởi kiện (*không đòi khoản tiền lãi*) đối với anh N, chị H. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên cần chấp nhận, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về phương thức trả nợ: Anh N, chị H đồng nhất, thừa nhận vay tiền và hiện còn nợ với ông Đ nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn, nợ nần nhiều người nên xin được trả nợ dần tiền gốc nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Xét thấy anh N, chị H đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay, thời gian vi phạm đã nhiều năm, nguyên đơn đã không yêu cầu trả số tiền lãi nên cần buộc anh N, chị H trả một lần số tiền vay 245.000.000đ là phù hợp với quy định.

[3] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; đồng bị đơn anh N, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ*: Điều 463, 465, 466, 357 và Điều 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 229; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử*:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Thanh Đ.

Buộc anh Trần Xuân N và chị Lâm Thị H phải thanh toán trả ông Hoàng Thanh Đ số tiền **245.000.000đ** (*Hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền người phải thi hành án chậm thi hành án phải chịu lãi suất hàng tháng theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2/ Đình chỉ yêu cầu của ông Hoàng Thanh Đ đòi khoản tiền lãi 353.588.000đ đối với anh Trần Xuân N và chị Lâm Thị H.

*Về án phí*: Anh Trần Xuân N và chị Lâm Thị H phải chịu 12.250.000đ (*Mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Về quyền kháng cáo*: Án xử sơ thẩm công khai, vắng mặt tất cả các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Chi cục thi hành án DS huyện Khoái Châu;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Việt Cường**